

Số: /2025/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ khoản 3 Điều 32 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 287/TTr-SVHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Cà Mau được giao tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Các mức chi khác có liên quan đến hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình không quy định cụ thể trong quyết định này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước;

b) Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình quy định tại điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 35 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, được thành lập theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 2. Mức chi cho các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi tổ chức thi tìm hiểu về phòng, chống bạo lực gia đình

a) Chi giải thưởng cấp tỉnh: Giải nhất tập thể tối đa: 14.000.000 đồng/giải thưởng, giải nhì tập thể tối đa: 7.000.000 đồng/giải thưởng, giải ba tập thể tối đa: 3.500.000 đồng/giải thưởng, giải khuyến khích tập thể tối đa: 2.100.000 đồng/giải thưởng; giải nhất cá nhân tối đa: 7.000.000 đồng/giải thưởng, giải nhì cá nhân tối đa: 3.500.000 đồng/giải thưởng, giải ba cá nhân tối đa: 1.750.000 đồng/giải thưởng, giải khuyến khích cá nhân tối đa: 875.000 đồng/giải thưởng.

b) Chi giải thưởng cấp xã: giải nhất tập thể tối đa: 5.000.000 đồng/giải thưởng, chi giải nhì tập thể tối đa: 2.500.000 đồng/giải thưởng, giải ba tập thể tối đa: 1.250.000 đồng/giải thưởng, giải khuyến khích tập thể tối đa: 750.000 đồng/giải thưởng; giải nhất cá nhân tối đa: 2.500.000 đồng/giải thưởng, giải nhì cá nhân tối đa: 1.250.000 đồng/giải thưởng; giải ba cá nhân tối đa: 700.000 đồng/giải thưởng, giải khuyến khích cá nhân tối đa: 350.000 đồng/giải thưởng.

c) Chi thuê dẫn chương trình: cấp tỉnh tổ chức tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi; cấp xã tổ chức tối đa 700.000 đồng/người/buổi.

d) Chi tổng hợp báo cáo kết quả cuộc thi: Đối với cuộc thi cấp tỉnh tổ chức: Tối đa 2.100.000 đồng/báo cáo; đối với cuộc thi cấp xã tổ chức: Tối đa 1.050.000 đồng/báo cáo.

2. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương nhưng tối đa không quá 3.500.000 đồng/tháng/cơ sở.

3. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình.

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu tối đa: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề cấp tỉnh tối đa: 4.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa: 2.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo sơ kết cấp tỉnh tối đa: 5.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa: 2.500.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo tổng kết cấp tỉnh tối đa: 6.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa: 3.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi bồi dưỡng viết bài tham luận, bài ký yếu hội nghị sơ kết, tổng kết cấp tỉnh tối đa: 1.000.000 đồng/bài tham luận; cấp xã tối đa: 500.000 đồng/bài tham luận.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trong khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình chủ động sử dụng các nguồn tài chính được giao tự chủ để chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nguồn tài trợ, huy động hợp pháp (nếu có) thực hiện đúng theo sự thỏa thuận với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ trong và ngoài nước, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-BTP;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXXH HĐND tỉnh;
- Báo và PT, TH Cà Mau;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Phòng KGVX (B₄₅);
- Lưu: VT, KP71/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Vũ Thăng